DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HOC, CAO ĐẲNG
ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG, HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC, ĐỢT TUYỂN SINH 1, NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐTS ngày /8/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Mã Tỉnh	Mã huyện	Đối tượng tuyển sinh đã TN	KV ƯT	ĐT ƯT	Mã PT XT của trường	Mã PT XT chuẩn	TH môn xét tuyển nếu có	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm chưa có ƯT	Điểm ƯT	Điểm TT theo thang điểm gốc	Thang điểm gốc	Điểm TT theo thang điểm 30
I. ĐẠI HỌC																				
1. Giáo dục Mầm non																				
1	295	Vũ Thị Dung	Nữ	19/05/1998	13	04	Cao đẳng		01	510	500					8.38	0.43	8.81	10	26.43
2	167	Ma Thị Duyên	Nữ	01/01/1989	09	07	Cao đẳng		01	510	500					8.3	0.46	8.76	10	26.28
3	199	Vi Thị Hoan	Nữ	22/12/1989	09	04	Cao đẳng		01	510	500					3.38	0.17	3.55	4	26.625
4	322	Khổng Thị Hương	Nữ	03/03/1982	09	07	Cao đẳng		01	510	500					8.75	0.34	9.09	10	27.27
5	749	Tống Tố Hương	Nữ	01/08/1995	09	02	Cao đẳng		01	510	500					3.42	0.16	3.58	4	26.85
6	198	Lương Phùng Thúy Kiều	Nữ	19/08/1997	09	06	Cao đẳng		01	510	500					3.6	0.11	3.71	4	27.825
7	164	Nguyễn Thị Lan	Nữ	10/01/1988	09	07	Cao đẳng		01	510	500					8.32	0.45	8.77	10	26.31
8	32	Hà Thúy Loan	Nữ	26/02/1986	09	05	Cao đẳng		01	510	500					3.31	0.19	3.5	4	26.25
9	415	Đinh Thị Mùi	Nữ	02/01/1990	09	03	Cao đẳng		01	510	500					3.37	0.17	3.54	4	26.55
10	350	Nhữ Thị Kim Ngân	Nữ	31/08/1987	09	01	Cao đẳng			510	500					3.51	0	3.51	4	26.325
11	213	Lê Thị Quyên	Nữ	01/07/1993	09	07	Cao đẳng		01	510	500					3.52	0.13	3.65	4	27.375
12	358	Ma Thị Thủy	Nữ	01/01/1988	09	04	Cao đẳng		01	510	500					8.29	0.46	8.75	10	26.25
13	360	Ma Thị Xuyến	Nữ	29/07/1992	09	02	Cao đẳng		01	510	500					3.37	0.17	3.54	4	26.55
2. Kế toán																				
1	14	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	02/06/1999	09	01	Trung cấp			501	500					7.3	0	7.3	10	21.9
2	13	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ	26/06/1997	09	01	Trung cấp		01	200	200	C02	6.1	6	6.3	18.4	2	20.4	30	20.4
3	15	Nguyễn Kao Nguyên	Nam	24/10/2002	16	07	Trung cấp			501	500					7	0	7	10	21
4	12	Lâm Hoài Thi	Nữ	30/10/2000	09	06	Cao đẳng		01	510	500					8	0.54	8.54	10	25.62
5	11	Hoàng Quang Vinh	Nam	19/08/1994	09	02	Cao đẳng		01	510	500					7.07	0.67	7.74	10	23.22
3. Điều dưỡng																				
1	14	Nịnh Thị Vân Anh	Nữ	02/01/1994	09	06	Cao đẳng		01	510	500					7.5	0.67	8.17	10	24.51
2	17	Hờ Thị Dia	Nữ	16/12/1986	05	02	Cao đẳng		01	510	500					7.32	0.67	7.99	10	23.97
3	9	Lưu Thị Hoa	Nữ	22/05/1990	05	02	Cao đẳng		01	510	500					7.28	0.67	7.95	10	23.85
4	20	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	26/02/1979	09	02	Cao đẳng		01	510	500					2.9	0.27	3.17	4	23.775
5	31	Đàm Văn Linh	Nam	15/01/1987	09	07	Cao đẳng		01	510	500					7.06	0.67	7.73	10	23.19
6	8	Vũ Ngọc Lưu	Nữ	05/02/1990	05	02	Cao đẳng			510	500					7.95	0	7.95	10	23.85

7	7	Ly Thị Mây	Nữ	18/11/1983	05	02	Cao đẳng		01	510	500					7.02	0.67	7.69	10	23.07
8	47	Sùng Thị Phấn	Nữ	01/08/2002	09	03	Trung cấp		01	501	500					3.08	0.25	3.33	4	24.975
9	11	La Thị Thanh Phương	Nữ	23/08/1995	09	03	Cao đẳng		01	510	500					7.72	0.61	8.33	10	24.99
10	6	Lâm Mai Phương	Nữ	14/06/1989	05	02	Cao đẳng		01	510	500					7.55	0.66	8.21	10	24.63
11	28	Vũ Thị Sáu	Nữ	25/02/1990	09	06	Cao đẳng			510	500					7.7	0	7.7	10	23.1
12	27	Nguyễn Phương Thúy	Nữ	23/11/1989	09	06	Cao đẳng			510	500					3.16	0	3.16	4	23.7
13	48	Triệu Thị Kim Tuyến	Nữ	19/01/1984	05	04	Trung cấp		01	501	500					2.88	0.27	3.15	4	23.625
II. CAO ĐẲNG																				
1. Giáo dục Mầm non																				
1	H37	Lê Ngọc Anh	Nữ	29/01/1999	25	09	Trung cấp			513	200	C03	8.1	8.1	8.0	24.2	0	24.2	30	24.2
2	H24	Hoàng Thị Chinh	Nữ	27/01/1995	01	16	Trung cấp			513	200	C19	6.3	7.7	7.6	21.6	0	21.6	30	21.6
3	T5	Phan Thị Hà	Nữ	10/10/1995	09	01	Trung cấp			509	500					8	0	8	10	24
4	T1	Hà Thị Huyền	Nữ	20/10/1991	09	04	Trung cấp		01	509	500					6.5	0.67	7.17	10	21.51
5	H26	Đỗ Thị Thanh Hương	Nữ	05/01/1978	01	08	Trung cấp			509	500					7.2	0	7.2	10	21.6
6	H22	Nguyễn Thị Hường	Nữ	24/11/1989	01	12	Trung cấp			509	500					7.4	0	7.4	10	22.2
7	H29	Nguyễn Thị Nhâm	Nữ	11/01/1990	01	11	Trung cấp			509	500					7.6	0	7.6	10	22.8
8	T2	Đàm Thị Ninh	Nữ	15/09/1995	09	07	Trung cấp		01	509	500					7.2	0.67	7.87	10	23.61
9	T3	Lương Thị Thoa	Nữ	01/01/1993	09	06	Trung cấp		01	509	500					7	0.67	7.67	10	23.01
10	T4	Ma Thị Tiên	Nữ	23/03/1989	09	05	Trung cấp		01	509	500					7.4	0.67	8.07	10	24.21

(Ấn định danh sách này là 41 người)